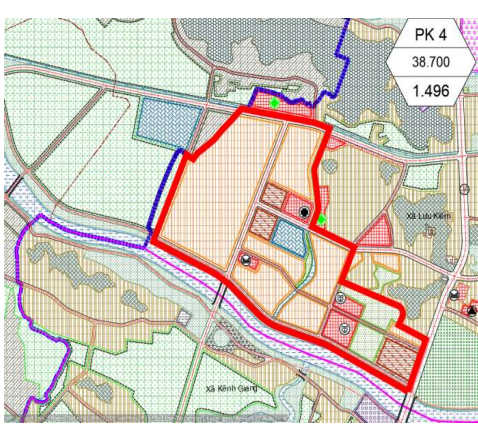
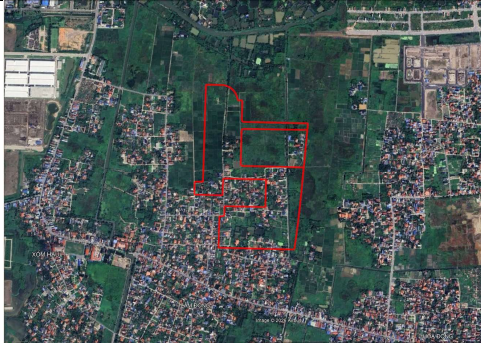
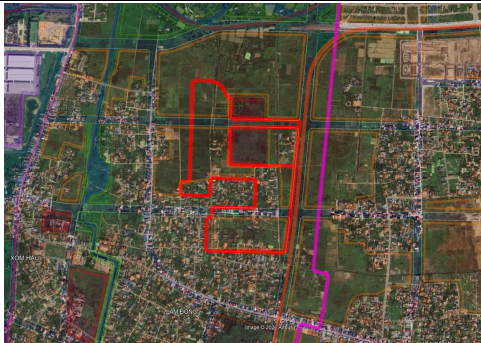
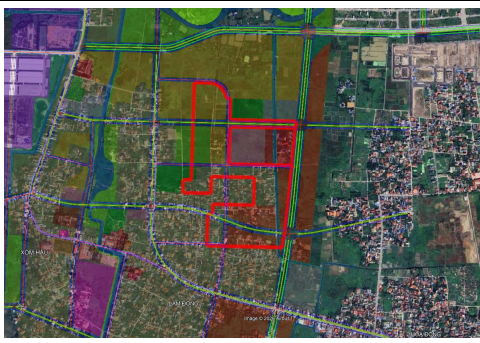
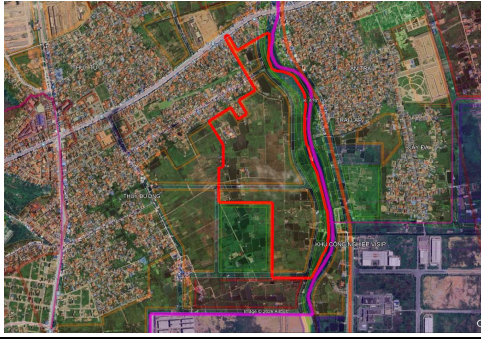
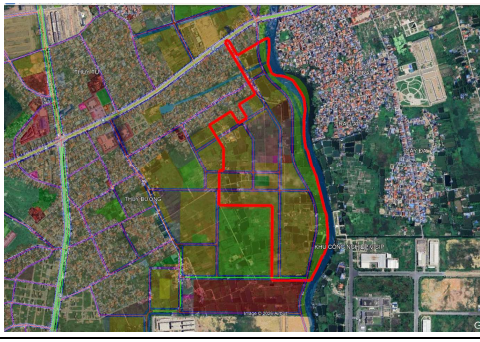
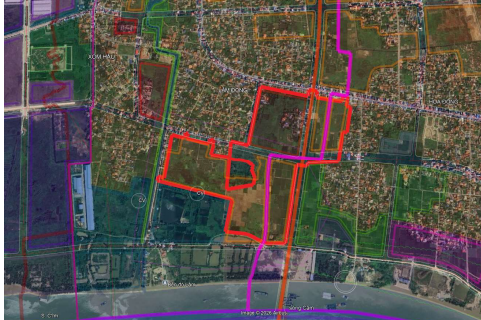
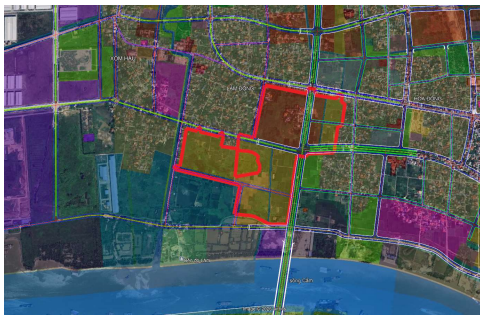
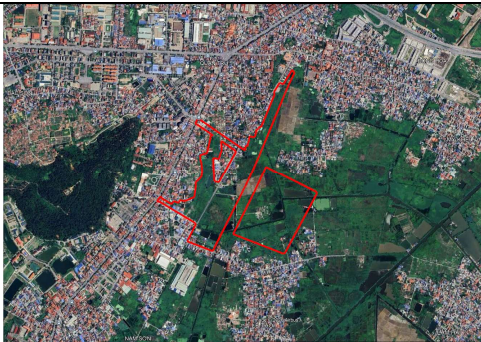
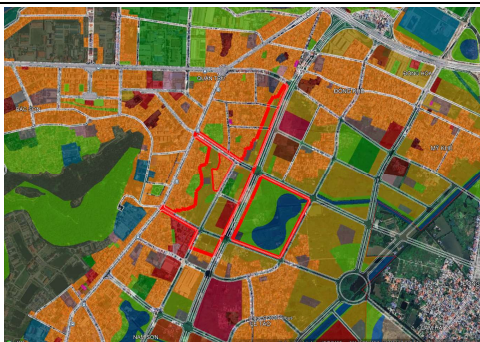
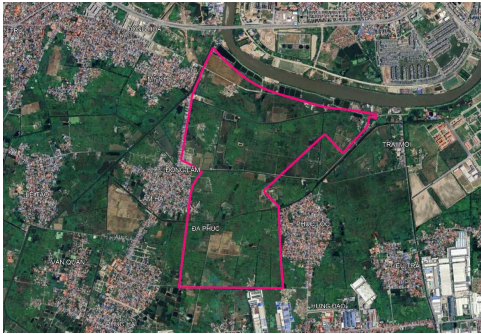
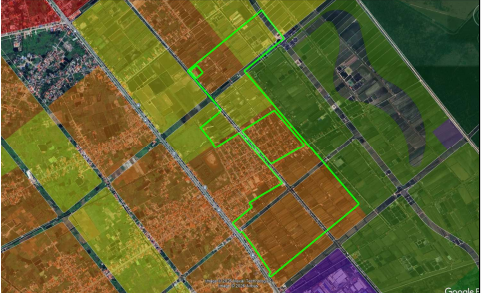
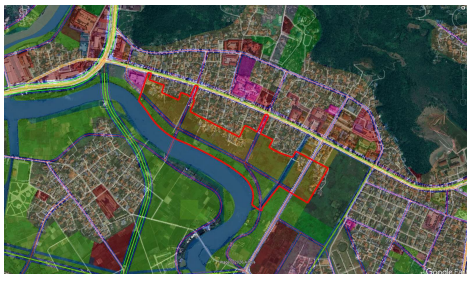
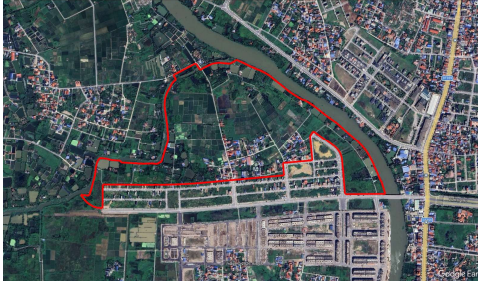
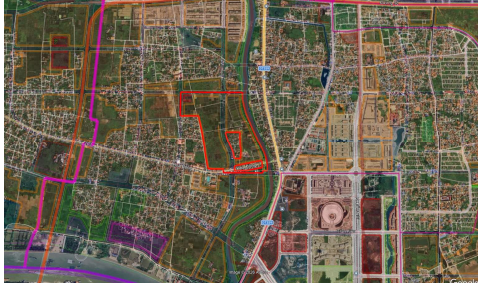
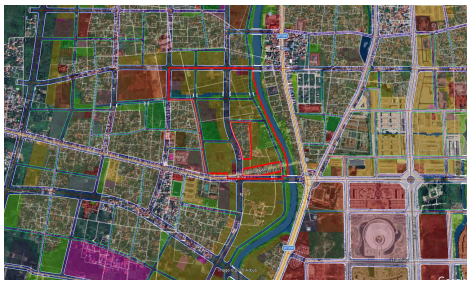
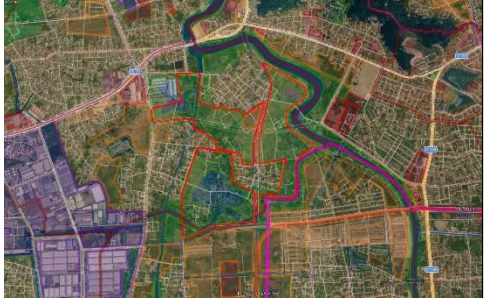


DANH SÁCH CÁC ĐIỂM DỰ KIẾN ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN BT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ											
Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
1	Khu đóng tàu Bạch Đằng tại phường Hồng Bàng	phường Hồng Bàng	29,5 ha	Đất hỗn hợp; cây xanh; giao thông.	Đất hỗn hợp (khoảng 15ha); còn lại cây xanh, giao thông, công cộng, giáo dục, văn hóa, y tế... Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu (DT đất ở tối đa khoảng 10,3ha)	4.635 tỷ đồng	995 tỷ đồng	3.640 tỷ đồng			
2	Khu đất tại phường Hồng An	Khu đất tại phường Hồng An	53,88ha	Đơn vị ở, Cây xanh, giao thông	Nhóm nhà ở, cây xanh, giao thông, công cộng... Ước tính 7,4ha tính tiền đất ở	1.110 tỷ đồng	5.582,88 tỷ đồng	(Âm) -4.472,88 tỷ đồng			
3	Khu đất tại tổ dân phố Đông Môn, phường Hòa Bình	phường Hòa Bình	64,4ha	Đất hỗn hợp; Đất đơn vị ở; bãi đỗ xe; cây xanh; giao thông	Đất hỗn hợp (40ha); Đất nhóm nhà ở (3,4ha); còn lại cây xanh, mặt nước, giao thông, công cộng, giáo dục, văn hóa, an ninh quốc phòng... Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu (DT đất ở tối đa khoảng 18ha)	1.080 tỷ đồng	UBND phường Hòa Bình không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 2334/UBND-XDNN&MT ngày 13/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
4	Khu đất tại phường Lưu Kiếm (đối diện sân golf sông Giá)	phường Lưu Kiếm	247ha	Đất đơn vị ở, công cộng, giáo dục, dịch vụ, cây xanh, giao thông...	Đất nhóm nhà ở (84ha); Đất hỗn hợp (21ha); còn lại công cộng, cây xanh, giao thông, dịch vụ... Ước tính 52,7 ha tính tiền đất ở;	8.400 tỷ đồng	3.958,4 tỷ đồng	4.441,6 tỷ đồng			

Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
5	Khu đất tại phường Thiên Hương	phường Thiên Hương	24ha	Đơn vị ở, giao thông	Nhóm nhà ở, hỗn hợp, giao thông, cây xanh, dịch vụ... Ước tính 7,1ha tính tiền đất ở	340,8 tỷ đồng	704 tỷ đồng	(Âm) -363,2 tỷ đồng			
6	Khu đất tại phường Thủy Nguyễn (sau KCN Vsip)	phường Thủy Nguyên	57,5ha	Đơn vị ở, giao thông, cây xanh	Nhóm nhà ở, giao thông, cây xanh, giáo dục... Ước tính 12,5ha tính tiền đất ở;	3.250 tỷ đồng	1.072,6 tỷ đồng	2.177,4 tỷ đồng			
7	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Hoa Động - Lâm Động tại các phường Thủy Nguyên, Thiên Hương, thành phố Hải Phòng	phường Thiên Hương, phường Thủy Nguyên	46,1ha	Đơn vị ở, hỗn hợp, giao thông Trừ đất công cộng (bóng đá) 12ha	Nhóm nhà ở, hỗn hợp, giao thông Ước tính 8,5ha tính tiền đất ở;	680 tỷ đồng	220,82 tỷ đồng	459,18 tỷ đồng			
8	Khu đất tại phường Kiến An, Phù Liễn	phường Kiến An, Phù Liễn	21,3ha + 16.3ha (cây xanh)	Đất đơn vị ở, cây xanh, mặt nước	Nhóm nhà ở, giao thông, cây xanh Ước tính 4,8 ha tính tiền đất ở;	360 tỷ đồng	740,694 tỷ đồng (Trong đó: - Kiến An: 90,694 tỷ đồng - Phù Liễn: 650 tỷ đồng)	(Âm) -380,7 tỷ đồng			

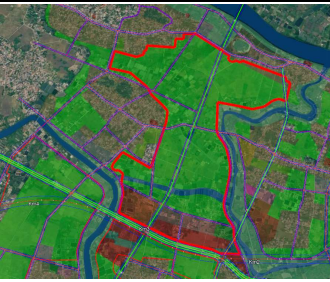
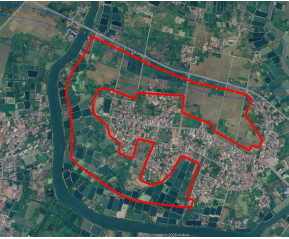
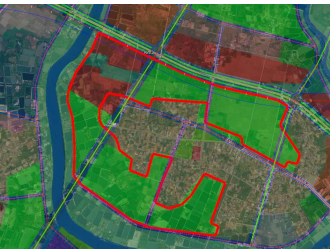
Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
9	Khu đất đối ứng tại phường Hưng Đạo, Kiến An (tiếp giáp với đường cầu Rào 3)	phường Hưng Đạo và Kiến An	280ha	Đơn vị ở, Cây xanh, giao thông	Nhóm nhà ở, cây xanh, giao thông, giáo dục, công cộng... Ước tính 63,5 ha tính tiền đất ở	3.810 tỷ đồng	2.301,5 tỷ đồng (Trong đó: - Kiến An: 425 tỷ đồng - Hưng Đạo: 1.876,5 tỷ đồng)	1.508,5 tỷ đồng			
10	Khu đất thực hiện dự án đầu tư khu đô thị tại phường Mình Đức, phường Nam Đồ Sơn (tiếp giáp đường ven biển)	Phường Nam Đồ Sơn	196ha	Đất công cộng - dịch vụ đô thị, đơn vị ở, giao thông	Đất công cộng đơn vị ở (văn hoá, y tế, giáo dục); thương mại, dịch vụ; ở; cây xanh – TĐTT; giao thông... Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu (DT đất ở tối đa khoảng 45ha)	4.500 tỷ đồng	6.402,92 tỷ đồng	-1.902,92 tỷ đồng			
11	Dự án đầu tư Khu đô thị sinh thái Đông Nam Hải Phòng - Dự án 2 trên địa bàn phường Tân Thành, quận Dương Kinh	Phường Dương Kinh	100,5ha	Đất đơn vị ở, giao thông	Đất công cộng đơn vị ở (văn hoá, y tế, giáo dục); thương mại, dịch vụ; ở; cây xanh – TĐTT; bãi đỗ xe, mặt nước, giao thông... Ước tính 17,4 ha tính tiền	2.436 tỷ đồng	2.000 tỷ đồng	436 tỷ đồng			
12	Khu đất tại phường Dương Kinh	phường Dương Kinh	156,8ha	Đơn vị ở, công cộng, giao thông	Ước tính 40ha tính tiền đất ở;	5.600 tỷ đồng	2.300 tỷ đồng	3.300 tỷ đồng			

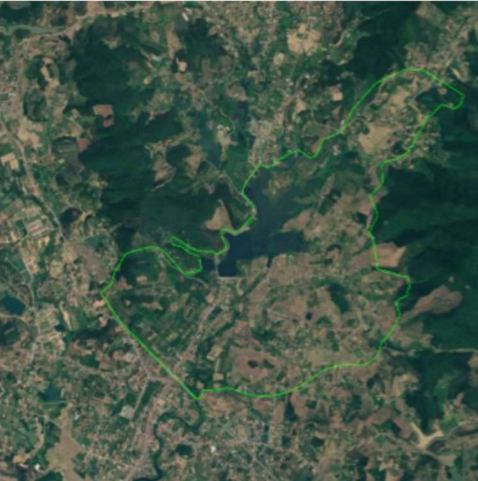
Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
13	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thủy Sơn tại phường Thủy Đường, thành phố Thủy Nguyên (Nay là phường Thủy Nguyên)	Phường Thủy Nguyên	21,9ha	Đất đơn vị ở, cây xanh, giao thông	Đất nhóm nhà ở; cây xanh đô thị, giao thông... Ước tính 5,8 ha tính tiền đất ở;	1.160 tỷ đồng	663 tỷ đồng	497 tỷ đồng			
14	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị ven sông Hòn Ngọc tại phường Hoa Động, thành phố Thủy Nguyên (sau khu TĐC Hoa động)	Phường Thiên Hương	49,6ha	Đất đơn vị ở, cây xanh, giao thông	Đất công cộng đơn vị ở (văn hoá, y tế, giáo dục); thương mại, dịch vụ; nhóm nhà ở; cây xanh – TĐTT; bãi đỗ xe, giao thông... Đất ở tính tiền chi khoảng 6,6ha Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, quy hoạch phân khu (DT đất ở tối đa khoảng 15ha)	2.100 tỷ đồng	UBND phường Thiên Hương không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 1870/UBND-XDNN&MT ngày 14/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
15	Khu đất đầu tư xây dựng khu đô thị Đông Hòn Ngọc tại các phường Dương Quan, Hoa Động, thành phố Thủy Nguyên	Phường Thủy Nguyên	46,2ha	Đơn vị ở	Nhóm nhà ở, cây xanh, giao thông, dịch vụ... Ước tính 8 ha tính tiền đất ở;	640 tỷ đồng	719,79 tỷ đồng	(Âm) -79,79 tỷ đồng			

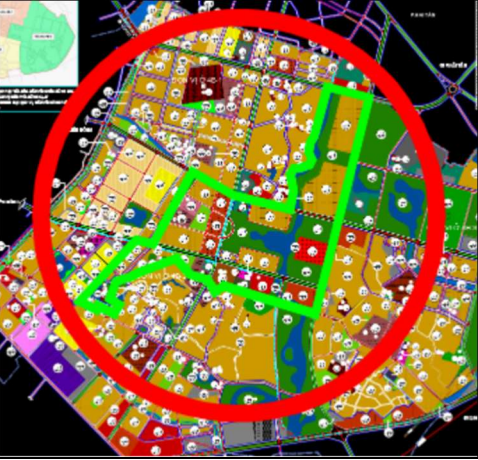
Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
16	TOD Nam Hải Phòng	Xã Kiến Minh, xã Kiến Thụy, xã Kiến Hải, phường Dương Kinh, phường Nam Đồ Sơn	1.590 ha	Đất đơn vị ở (khoảng 700ha), đất nông nghiệp, đất cây xanh công cộng, đất thương mại dịch vụ, đất HTKT đầu mối...	DT đất ở tối đa khoảng 280ha	9.800 tỷ đồng	- Nam Đồ Sơn: 1.270 tỷ đồng - Dương Kinh: 5.000 tỷ đồng - Kiến Minh: 50.250 tỷ đồng - Kiến Thụy: 3.688,5 tỷ đồng - UBND phường Kiến Hải không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 3025/UBND- XDNN&MT ngày 15/10/2026)	(Âm) Không có cơ sở tính toán giá trị cụ thể			
17	Khu đất 02 bên đường Vành đai 2, phường Thiên Hương	Phường Thiên Hương	133ha	Đất cây xanh đô thị (khoảng 78ha), mặt nước (khoảng 20,8ha), đất đơn vị ở, đất HTKT đầu mối...	Đất cây xanh đô thị (khoảng 87,8ha), đất mặt nước (khoảng 16,8ha), đất thương mại dịch vụ (khoảng 2,9ha), đất đơn vị ở (khoảng 1,8ha), đất HTKT đầu mối (khoảng 1,4ha)... Để tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, cần điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, phân khu 2 (DT đất ở tối đa khoảng 40ha)	1.600 tỷ đồng	UBND phường Thiên Hương không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 1870/UBND- XDNN&MT ngày 14/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
18	Khu đất nhà máy sản xuất Giant-V	Phường Lê Chân	2,2ha	Đất đơn vị ở	Đất cây xanh công cộng, bãi đỗ xe Để tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, cần điều chỉnh cục bộ QHPK quận Lê Chân (DT đất ở tối đa khoảng 2,2ha)	550 tỷ đồng	0	550 tỷ đồng			

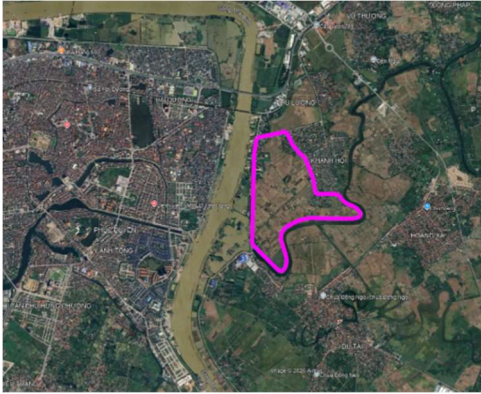
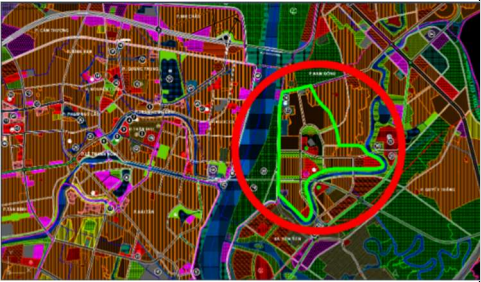
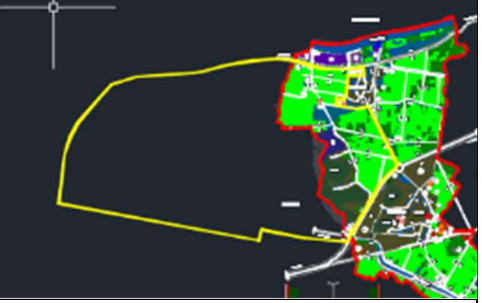
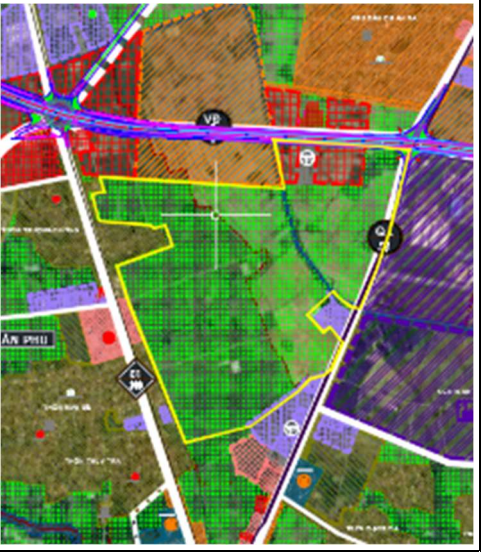
Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
19	Khu đất Khu đô thị Dương Kinh – Kiến An	Các phường: Kiến An, Phù Liễn, Hưng Đạo	86,1ha	Đất đơn vị ở, cây xanh, đường giao thông	Đất đơn vị ở, cây xanh, trường học, đào tạo nghiên cứu, đường giao thông, mặt nước, HTKT, bãi đỗ xe,... Ước tính 26ha tính tiền đất ở	1.040 tỷ đồng	- Phù Liễn: 500 tỷ đồng - Kiến An: 100 tỷ đồng - UBND phường Hưng Đạo không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 6623/UBND- XDNNMT ngày 13/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
20	Khu đất chân cầu Máy Chai (daso, điện lực Potraco)	Phường Ngô Quyền	6,51ha	Đất đơn vị ở	Đất đơn vị ở (khoảng 3,5ha), đất cây xanh, giáo dục, văn hóa, đường giao thông, HTKT DT đất ở tối đa khoảng 2,8ha	840 tỷ đồng	1.341 tỷ đồng	(Âm) -501 tỷ đồng			
21	Khu đất chân cầu Máy Chai (cơ khí)	Phường Ngô Quyền	12,5ha	Đất đơn vị ở, đường giao thông	Đất đơn vị ở (khoảng 7,86ha), đất cây xanh, giáo dục, đường giao thông DT đất ở tối đa khoảng 6ha	1.440 tỷ đồng	UBND phường Ngô Quyền không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 3871/UBND- XDMT ngày 05/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
22	Khu đất phía nam đường bao Đông Nam	Phường Hải An	85,2ha	Đất đơn vị ở, đường giao thông	Đất hỗn hợp có ở (khoảng 31,13ha), đất thương mại dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa, bãi đỗ xe, cây xanh, đường giao thông DT đất ở tối đa khoảng 26ha	780 tỷ đồng	111 tỷ đồng	669 tỷ đồng			
23	Khu đất cầu Rế 3	Phường An Dương	32,7ha	Đất cây xanh đô thị, đường giao thông	Đất cây xanh công cộng đô thị, đường giao thông, mặt nước Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, cần điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, QHPK quận An Dương DT đất ở tối đa khoảng 12,5ha	1.062,5 tỷ đồng	327 tỷ đồng	735,5 tỷ đồng			

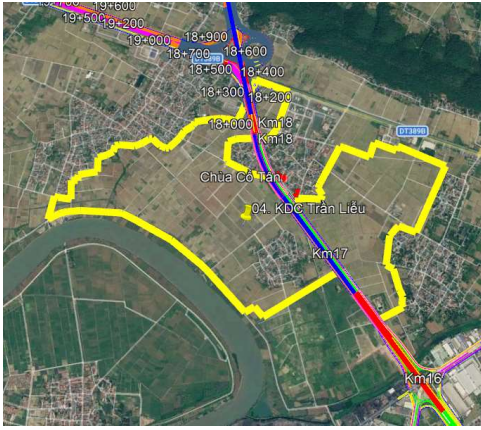
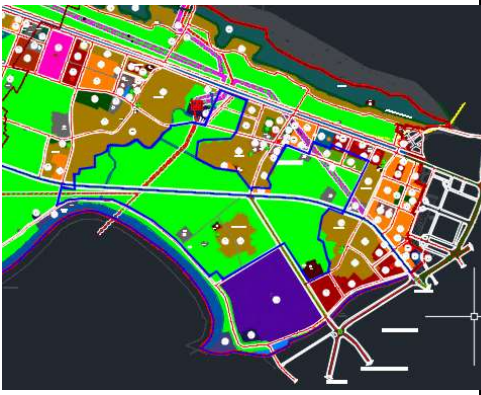
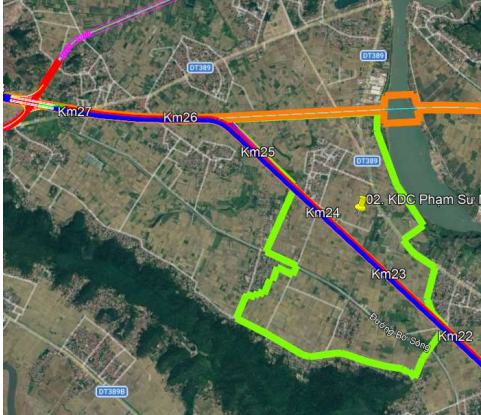
Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
24	Khu đất cây xanh ven sông Rế	Phường An Hải	49,2ha	Đất cây xanh đô thị, đầu môi HTKT	Đất cây xanh đô thị, mặt nước, HTKT đầu môi Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, cần điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, QHPK quận An Dương DT đất ở tối đa khoảng 17ha	1.445 tỷ đồng	468,7 tỷ đồng	976,3 tỷ đồng			
25	Khu đất ven sông Cấm	Phường Ngô Quyền	26,9ha	Đất công cộng, cây xanh, đường giao thông	Đất hỗn hợp có ở (khoảng 2,47ha), đất cây xanh, đất văn hóa, đất thương mại dịch vụ, bãi đỗ xe Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, cần điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, QHPK quận Hồng Bàng DT đất ở tối đa khoảng 8ha	1.404 tỷ đồng	UBND phường Ngô Quyền không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 3871/UBND- XDMT ngày 05/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
26	Khu đất giáp đường Lê Thánh Tông	Phường Đông Hải	5ha	Đất đơn vị ở	Đất hỗn hợp có ở (khoảng 1,87ha), đất dịch vụ, cây xanh, bãi đỗ xe Đề tối ưu hiệu quả sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tính tiền đối ứng và tổ chức lại không gian đô thị, cần điều chỉnh cục bộ QHPK thành đất hỗn hợp cao tầng DT đất ở tối đa khoảng 5ha	1.250 tỷ đồng	900 tỷ đồng	350 tỷ đồng			
27	Khu đất số 1 Lê Lai	Phường Ngô Quyền	0,72ha	Đất đơn vị ở, đất công cộng	Đất đơn vị ở DT đất ở tối đa khoảng 0,72ha	360 tỷ đồng	432 tỷ đồng	-72 tỷ đồng			

Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
28	Khu đất KĐT Tam Cường	Các xã: Vĩnh Am, Nguyễn Bình Khiêm	111,6ha	Đất ở, hỗn hợp có ở, đường giao thông	DT đất ở tối đa khoảng 33ha	1.980 tỷ đồng	1.921,5 tỷ đồng (Trong đó: - Vĩnh Am: 290 tỷ đồng - Nguyễn Bình Khiêm: 1.631,5 tỷ đồng)	58,5 tỷ đồng			
29	Khu đất số 1, phường Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm	60ha	Đất công cộng (y tế) cấp vùng	Đất công cộng (y tế); cây xanh, giao thông DT đất ở khoảng 20ha	1.200 tỷ đồng	990,9 tỷ đồng	209,1 tỷ đồng			
30	Khu đất số 2, phường, Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm	150ha	Đất dự trữ phát triển đô thị, đất đơn vị ở	Đất dự trữ phát triển đô thị, công cộng, thương mại... DT đất ở khoảng 40ha	2.400 tỷ đồng	2.338,45 tỷ đồng	61,55 tỷ đồng			
31	Khu đất số 3, phường, Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm	38ha	Đất dự trữ phát triển đô thị	Đất dự trữ phát triển đô thị, công cộng, thương mại... DT đất ở khoảng 13ha	780 tỷ đồng	669,915 tỷ đồng	110,085 tỷ đồng			
32	Khu đất số 1, phường Lê Ích Mộc	Phường Lê Ích Mộc	78ha	Đất dự trữ phát triển đô thị, giao thông	Đất dự trữ phát triển đô thị, giao thông DT đất ở khoảng 27ha	1.620 tỷ đồng	UBND phường Lê Ích Mộc không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 1693/UBNDXD NN&MT ngày 02/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
33	Khu đất số 2, phường Lê Ích Mộc	Phường Lê Ích Mộc	30ha	Đất dự trữ phát triển đô thị, giao thông	DT đất ở khoảng 10ha	500 tỷ đồng	UBND phường Lê Ích Mộc không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 1693/UBNDXD NN&MT ngày 02/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			

Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
34	Khu đất số 3, phường Lê Ích Mộc	Phường Lê Ích Mộc	65ha	Đất vùng nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông	DT đất ở khoảng 20ha	600 tỷ đồng	UBND phường Lê Ích Mộc không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 1693/UBNDXD NN&MT ngày 02/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
35	Khu đất số 4, phường Lê Ích Mộc	Phường Lê Ích Mộc	33ha	Đất vùng nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông	DT đất ở khoảng 10ha	300 tỷ đồng	UBND phường Lê Ích Mộc không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 1693/UBNDXD NN&MT ngày 02/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			
36	Khu du lịch sinh thái hồ Bến Tắm	phường Nguyễn Trãi	497ha	- Đất hỗn hợp: 27,9ha - Đất đơn vị ở: 150 ha - Đất trung tâm văn hóa, TDTT (sân gôn): 178,5ha - Đất Thương mại, dịch vụ: 3,2ha - Đất dịch vụ công cộng: 5,8ha - Còn lại là cây xanh, giao thông, mặt nước	Cần điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Bến Tắm (cũ) DT đất ở tối đa khoảng 150 ha	3.000 tỷ đồng	2.500 tỷ đồng	500 tỷ đồng			

Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
37	Khu sinh thái Thành Công giai đoạn 2	Phường Kinh Môn, phường Trần Liễu	60ha	QHC thị xã: Đất đơn vị ở	PK1: Đất nhóm nhà ở, hỗn hợp, cây xanh, bãi đỗ xe; PK2: Đất nhóm nhà ở, đất giáo dục, dịch vụ, cây xanh DT đất ở tối đa khoảng 20ha;	2.800 tỷ đồng	- Kinh Môn: 890,8 tỷ đồng - UBND phường Trần Liệu không báo cáo chi phí GPMB dự kiến	Không có cơ sở tính toán			
38	Khu đất lân cận ga Hải Dương Nam	xã Gia Lộc	125ha	QH vùng huyện Gia Lộc: Khu vực phát triển đô thị	DT đất ở tối đa khoảng 37,5ha	1.800 tỷ đồng	875 tỷ đồng	925 tỷ đồng			
39	Khu vực phường Tân Hưng	phường Tân Hưng	81ha	QHC-339: Đất đơn vị ở, đất hỗn hợp, dịch vụ công cộng, cây xanh công cộng	Đất hỗn hợp, nhóm nhà ở, dịch vụ công cộng đô thị, cây xanh công cộng DT đất ở tối đa khoảng 28ha	4.200 tỷ đồng	UBND phường Tân Hưng không báo cáo chi phí GPMB dự kiến (Văn bản số 3315/UBND- XDNNMT ngày 14/10/2026)	Không có cơ sở tính toán			

Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
40	Khu vực phường Nam Đồng	phường Nam Đồng	178ha	QHC-339: Đất đơn vị ở, đất hỗn hợp, dịch vụ công cộng, cây xanh công cộng	Đất nhóm nhà ở, dịch vụ công cộng đô thị, đất thể thao, cây xanh công cộng DT đất ở tối đa khoảng 55ha	6.187,5 tỷ đồng	1.178,7 tỷ đồng	5.008,8 tỷ đồng			
41	Khu TOD ga Ninh Xá	phường Bắc An Phụ	559ha	QHC thị xã: đất nông nghiệp, đất khai thác khoáng sản, đất điểm dân cư hiện trạng và đất cơ sở sản xuất kinh doanh khác, công trình đầu mối, kho tàng, bến bãi	QHC xã Lê Ninh: đất trồng lúa, đất ở hiện trạng, đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, đất quốc phòng an ninh, mặt nước; QHC xã Bạch Đằng: đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất khai thác khoáng sản DT đất ở tối đa khoảng 97ha	9.700 tỷ đồng	5.000 tỷ đồng	4.700 tỷ đồng			
42	Khu hỗn hợp (thuộc khu Kinh tế phía Bắc)	xã Trần Phú	150ha	QHV huyện Nam Sách (cũ); đất nông nghiệp	DT đất ở tối đa khoảng 45ha	5.040 tỷ đồng	1.129 tỷ đồng	3.911 tỷ đồng			

Stt	Dự án BT	Địa điểm	Quy mô	QHC/QH vùng huyện	QHPK/QHC xã	Giá trị khu đất Sở NN&MT tạm tính	Giá trị GPMB các địa phương tạm tính	Giá trị khu đất đối ứng tạm tính	Vị trí Google	Vị trí trong QHC/QH vùng huyện	Vị trí trong QH 1/2.000
43	Khu vực xã Bắc Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện	110ha	QH vùng huyện TM: Đất phát triển dân cư nông thôn, đất nghiên cứu đào tạo (thuộc Khu kinh tế chuyên biệt)	DT đất ở tối đa khoảng 33ha	3.795 tỷ đồng	784 tỷ đồng	3.011 tỷ đồng			
44	Khu vực Khu dân cư Trần Liệu	Phường Trần Liệu	195ha	Đất đơn vị ở quy hoạch, đất đơn vị ở hiện trạng (khoảng 11ha)	Đất cây xanh đô thị, đất nông nghiệp, đất nhóm nhà ở hiện trạng DT đất ở tối đa khoảng 55ha	1.787,5 tỷ đồng	UBND phường Trần Liệu không báo cáo chi phí GPMB dự kiến	Không có cơ sở tính toán			
45	Khu vực phường Phạm Sư Mạnh	Phường Phạm Sư Mạnh, Bắc An Phụ	427ha	Đất nông nghiệp, đất đơn vị ở hiện trạng (39ha)	Đất hỗn hợp, dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, dịch vụ công cộng, đất nhóm nhà ở hiện trạng DT đất ở tối đa khoảng 100ha	10.000 tỷ đồng	1.722,04 tỷ đồng	8.277,96 tỷ đồng			
46	Khu vực phường Kinh Môn, phường Nguyễn Đại Năng	Phường Kinh Môn, Phường Nguyễn Đại Năng	120ha	Đất nông nghiệp	Đất cây xanh đô thị, đất nông nghiệp DT đất ở tối đa khoảng 40ha	1.100 tỷ đồng	1.201,8 tỷ đồng	(Âm) -101,8 tỷ đồng			